TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hải Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 228/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hoài A, sinh năm 1989; hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương. Nơi ở hiện nay: Ấp E, xã F, thị xã G, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1989; hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà A, bị đơn ông T vắng mặt, cả hai có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 19/7/2019, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài A trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Hoài A và ông Lê Văn T chung sống với nhau, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 19/11/2015.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu thì hạnh phúc tuy nhiên đến hiện nay vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn , cãi vã. Nguyên nhân , do vợ chồng sống chung không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Ông T thường xuyên uống rượu, mỗi lần uống rượu là chửi mắng vợ con, thay đổi thành con người hoàn toàn khác. Không lo lắng chăm sóc cho con cái, không chịu lo làm ăn chăm lo cho gia đình. Bà A và ông T đã ly thân khoảng hơn một năm nay, bà A đưa con về nhà cha mẹ ruột tại ấp E, xã F, thị xã G, tỉnh Bình Dương sinh sống, không còn sống chung với ông T. Nay, bà A xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên làm đơn xin ly hôn với ông T.

Quá trình chung sống, bà A và ông T có 01 con chung tên Lê Nguyễn Thành Y, sinh ngày 11/10/2016. Bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà A không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Ngoài ra, bà A không có yêu cầu khác, không cung cấp chứng cứ gì thêm.

** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Lê Văn T trình bày:*

Ông Thành thống nhất với trình bày của bà Nguyễn Thị Hoài A về quan hệ hôn nhân, con chung và xác định ông T, bà A đã ly thân với nhau khoảng một năm nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn ông T xác định vợ chồng có cãi vã với nhau sau đó bà A mang theo con bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Trước yêu cầu ly hôn của bà A thì ông T không đồng ý vì vẫn còn thương vợ con và mong muốn gia đình đoàn tụ.

Về con chung: Ông T thống nhất giữa bà A và ông T có 01 con chung tên Lê Nguyễn Thành Y, sinh ngày 11/10/2016. Trong quá trình giải quyết vụ án nếu Tòa án giải quyết cho ông T và bà A ly hôn thì ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương có ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Nguyên đơn bà A, bị đơn ông T có yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự. Không kiến nghị khắc phục , bổ sung các thủ tục tố tụng . Quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa nhận thấy mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân

giữa bà A và ông T là trầm trọng, không hàn gắn đoàn tụ được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn của bà Nguyễn Thị Hoài A. Bà A được ly hôn với ông T; giao con chung tên Lê Nguyễn Thành Y, sinh ngày 11/10/2016 cho bà Nguyễn Thị Hoài A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; ghi nhận sự tự nguyện của bà A không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà A khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Lê Văn T có hộ khẩu thường trú tại Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương nên căn cứ theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; quan hệ pháp luật tranh chấp là "ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài A, bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Hoài A và ông Lê Văn T chung sống với nhau, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 19/11/2015. Như vậy, hôn nhân giữa bà A và ông T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Bà A trình bày quá trình chung sống cách đây khoảng hai năm bà A và ông T thường phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã, đã ly thân khoảng hơn một năm nay không còn sống chung với nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên bà A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T. Ông T thống nhất với trình bày của bà A quan hệ hôn nhân, con chung, thời gian ly thân. Về nguyên nhân mâu thuẫn ông T xác định vợ chồng có cãi vã với nhau sau đó bà A bỏ nhà đi. Ông T không đồng ý ly hôn với bà A vì xác định vẫn còn thương vợ con, mong muốn gia đình đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy ông T không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, bản thân bà A cũng không muốn hàn gắn tình cảm, kiên quyết xin ly hôn. Hiện cả hai đã ly thân không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, ông T được Tòa án triệu tập để tham gia hòa giải, xét xử nhưng ông T có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Xét quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên tình yêu thương, trách nhiệm, nghĩa vụ, sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà A và ông T không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Lời trình bày của

các đương sự phù hợp với biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của Tòa án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông T đã trầm trọng. Nên việc bà A yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] *Về con chung:* Quá trình giải quyết vụ án bà A và ông T thống nhất có 01 con chung tên Lê Nguyễn Thành Y, sinh ngày 11/10/2016. Bà A và ông T đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu người còn lại cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Nguyễn Thành Y, không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con. Để chứng minh cho yêu cầu của mình ông T cung cấp cho Tòa án Hợp đồng giao khoán thu hoạch mủ cao su ngày 01/8/2019 giữa Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng với ông Lê Văn T. Theo hợp đồng thì ông T được giao thu hoạch mủ cao su tại Nông trường cao su An Lập trực thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh ngày 05/11/2019 tại Nông trường cao su An Lập thì ông T hiện đã nghỉ, không còn làm việc tại Nông trường cao su An Lập nữa. Mặt khác theo biên bản xác minh ngày 05/11/2019 đối với bà Lê Thị T1 (mẹ ruột của ông T) thì bà T1 cũng xác định ông T hiện đã nghỉ không cạo mủ cao su nữa đang chờ việc khác, ông T không có thu nhập nào khác. Đồng thời, ngày 07/10/2019 Tòa án đã yêu cầu ông T cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh nguồn thu nhập theo quyết định số 118/2019/QĐ-CCTLCC nhưng hết thời hạn ông T không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ nào chứng minh nguồn thu nhập của mình. Như vậy, ông T hiện không có việc làm, không có thu nhập ổn định, không thể đảm bảo lợi ích tốt nhất cho cháu Y về mọi mặt nên yêu cầu của ông T là không có cơ sở chấp nhận.

Theo các tài liệu, chứng cứ bà A cung cấp là Phụ lục Hợp đồng lao động ngày 01/6/2019 giữa bà A và Công ty Cổ phần giày Đại Lộc; bảng lương tháng 9, 10 năm 2019 của bà A; Đơn xác nhận bà A đang làm việc tại Công ty Cổ phần giày Đại Lộc ngày 11/10/2019. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định bà A hiện đang có việc làm và thu nhập ổn định. Đồng thời, cháu Lê Nguyễn Thành Y hiện đang do bà A nuôi dưỡng, cháu là con gái, đang còn nhỏ (03 tuổi), nên giao cháu Y cho bà A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là đảm bảo lợi ích tốt nhất cho cháu, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Bà A tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án , các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoài A đối với ông Lê Văn T về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hoài A được ly hôn với ông Lê Văn T.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Nguyễn Thành Y, sinh ngày 11/10/2016 cho bà Nguyễn Thị Hoài A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Hoài A về việc không yêu cầu ông Lê văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Hoài A và ông Lê Văn T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hoài A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà bà A đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0031797 ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hải Nam